

Bản án số: 02/2023/KDTM-PT.

Ngày: 30/3/2023.

V/v: “Tr/c hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**;

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương**;

Ông **Vũ Thế Mạnh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà **Trần Thị Quỳnh Trâm** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐPT-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Bank)

Trụ sở: quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thành T (có mặt), ông Nguyễn Hùng V (vắng mặt), ông Lê Tiến D (vắng mặt) - Phòng

QLKH Tây Nam Bộ - Khởi quản lý và Tái cấu trúc tài sản Bank.

* Bị đơn: Ông Đào Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân T - (*vắng mặt*).

Địa chỉ: thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đào Tấn T, sinh năm 1962 (*có mặt*);
- Bà Ngô Thị M, sinh năm 1964 (*có đơn xin vắng mặt*);
- Chị Đào Cẩm H, sinh năm 1988 (*có đơn xin vắng mặt*);
- Chị Đào Cẩm T, sinh năm 1990 (*có đơn xin vắng mặt*);
- Anh Đào Minh T, sinh năm 1992 (*có đơn xin vắng mặt*);

Cùng đăng ký thường trú: thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: phường T, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Anh Nguyễn Tùng L, sinh năm 1977 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Anh L Hoàng R, sinh năm 1988 (*có mặt*);

Địa chỉ: xã V, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:***

Vào ngày 26/10/2010, Doanh nghiệp tư nhân T và Ngân hàng TMCP Đ ký kết hợp đồng tín dụng số: 1610/2010/HĐTD-DN.RG, ngày 26/10/2010 cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số: 1610/2010/HĐTD-DN.RG, ngày 26/10/2010, giá trị cam kết là 400.000.000 đồng, thời hạn là 12 tháng, thời hạn KUNN là 06 tháng, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, nguồn trả nợ là nguồn thu từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, lãi suất 20,6%/năm cho tháng đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh một

tháng 01 lần theo công thức: Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ thông thường kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ + biên độ 0,55%/tháng; hợp đồng thế chấp tài sản số: 1610/2010/HĐTC-DN.RG ngày 26/10/2010, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Hộ ông Đào Tấn T tại thửa số 46, 47, 48, 49; tờ bản đồ 02; tổng diện tích là 21.984 m²(đất ở NT, đất vườn, đất trồng tràm, đất trồng lúa), tọa lạc tại khu vực 4 (nay là khu phố 4) thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 304701 (số vào sổ: F000150 QSD9) do UBND huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/01/2003. Dư nợ của doanh nghiệp tư nhân T tính đến ngày 10/10/2019, nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 1.010.411.363 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng Doanh nghiệp tư nhân T đã thanh toán được: Trả lãi và lãi phạt là 35.381.970 đồng.

Ngân hàng TMCP Đ đã nhiều lần làm việc với doanh nghiệp tư nhân T liên quan đến thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng Doanh nghiệp tư nhân T không có thiện chí hợp tác.

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Minh buộc Doanh nghiệp tư nhân T trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm tính đến ngày 10/10/2019, nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 1.010.411.363 đồng. Cộng chung là 1.410.411.363 đồng; buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải thanh toán lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi doanh nghiệp tư nhân T trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ; kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Doanh nghiệp tư nhân T không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồ nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP Đ đề nghị buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải trả cho Ngân hàng nợ gốc của hợp đồng tín dụng là 400.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 09/4/2011 đến ngày 26/8/2022 là 1.406.636.668 đồng. Tổng cộng là 1.806.636.668 đồng và buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải thanh toán lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi Doanh nghiệp tư nhân T trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ; kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Doanh nghiệp tư nhân T không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồ nợ.

* Bị đơn: Chủ Doanh nghiệp tư nhân T - ông Đào Minh T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chủ Doanh nghiệp tư nhân T vắng mặt không có lời trình bày.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ngô Thị M, chị Đào Cẩm H, chị Đào Cẩm T, anh Đào Minh T vắng mặt không có lời trình bày.

- Ông Đào Tấn T trình bày: Ông T thừa nhận là vào năm 2010 ông có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng TMCP Đ để cho Doanh nghiệp tư nhân T vay vốn là 400.000.000 đồng, đến nay Doanh nghiệp tư nhân T chưa thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa, yêu cầu Tòa án áp dụng về thời hiệu khởi kiện, Ông T đồng ý trả cho Ngân hàng nợ vay là 400.000.000 đồng.

- Anh L Hoàng R trình bày: Vào ngày 26/01/2012 Ông T có cớ cho ông Huỳnh Quốc T, địa chỉ: ấp P, xã V, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang diện tích đất mà Doanh nghiệp tư nhân T thế chấp cho Ngân hàng, giá 45 chỉ vàng 24k, thời hạn 5 năm (đến năm 2017), đến năm 2021 anh xin chuộc lại đất từ ông Tuấn có sự đồng ý của Ông T, sau khi chuộc lại đất thì vào tháng 07/2021 đến nay anh cho anh Nguyễn Tùng L thuê, mỗi năm 35.000.000 đồng, hiện tại anh L đang sử dụng đất. Nay Ngân hàng yêu cầu đối với Doanh nghiệp tư nhân T, anh không ý kiến gì và anh không yêu cầu gì đối với ai trong vụ kiện này.

** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:*

1 Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc Doanh nghiệp tư nhân T trả cho Ngân hàng TMCP Đ nợ gốc là 400.000.000 đồng.

Buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải thanh toán lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 1610/2010/HĐTD-DN.RG, ngày 26/10/2010 cho đến khi doanh nghiệp tư nhân T trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ; kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Doanh nghiệp tư nhân T không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Hộ ông Đào Tấn T tại thửa số 46, 47, 48, 49; tờ bản đồ 02; tổng diện tích là 21.984 m² (đất ở NT, đất vườn, đất trồng

tràm, đất trồng lúa), tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 304701 (số vào sổ: F000150 QSDĐ) do UBND huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/01/2003 để thu hồ nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Ngày 30/9/2022, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có đơn kháng cáo với nội dung:**

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Ngân hàng TMCP Đ – ông Nguyễn Thành T có ý kiến: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng với ông T vẫn đang được duy trì, Ngân hàng có tìm ông T để xử lý về khoản nợ nhưng ông T không có mặt tại địa phương nên đến ngày 04/12/2019 Ngân hàng TMCP Đ mới nộp đơn khởi kiện. Yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T phải trả cho Ngân hàng nợ gốc 400.000.000 đồng và các khoản lãi gồm: Lãi trong hạn từ ngày 09/4/2011- 08/10/2011: 41.886.667 đồng, khấu trừ số tiền lãi 34.886.445 đồng đã trả. Còn lại là 7.000.222 đồng; Lãi quá hạn tính từ ngày 09/10/2011 - 26/8/2022: 1.364.254.476 đồng. Tổng cộng ông T phải trả cho Ngân hàng là 1.771.254.698 đồng.

- Ông Đào Tấn T có ý kiến: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, đồng ý trả cho Ngân hàng nợ vay gốc 400.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi và đồng ý phát mãi tài sản.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết vụ án:

Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là không phù hợp. Chủ thể tranh chấp là tổ chức tín dụng và hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản được áp dụng theo mẫu của tổ chức tín dụng, nội dung tranh chấp bao gồm việc thanh toán vốn, lãi suất, tiền phạt và xử lý tài sản bảo đảm. Do vậy, quan hệ tranh chấp phải là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Về thời hiệu khởi kiện: Theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ thể hiện 02 bên thỏa thuận thời hạn vay là 06 tháng tính từ ngày 09/4/2011 đến ngày 08/10/2011. Theo quy định tại Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện là 02 năm. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2017 Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý giải quyết nên cần áp dụng Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 184 BLTTDS năm 2015, Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao và Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao để tính thời hiệu, trong trường hợp này thời hiệu khởi kiện là 03 năm kể từ ngày 09/10/2011 (ngày 09/10/2011 đến ngày 09/10/2014) nhưng đến ngày 04/12/2019 Ngân hàng mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện song nguyên đơn không chứng minh được có trở ngại khách quan nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Tấn T yêu cầu áp dụng thời hiệu là có căn cứ.

Do thời hiệu khởi kiện đã hết nên nguyên đơn chỉ có quyền yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc 400 triệu đồng và nợ lãi trong hạn từ ngày 09/4/2011 đến ngày 08/10/2011 là 41.886.667 đồng nhưng bị đơn đã trả được 34.886.445 đồng tiền lãi, hiện còn tiền lãi trong hạn là 7.000.222 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn phải chịu lãi suất quá hạn là 1.364.254.476đ. Do hợp đồng tín dụng hết thời hiệu khởi kiện nên các thỏa thuận về lãi suất sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật không được tính theo lãi suất 2 bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên, tại Bản án sơ thẩm tuyên “Buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải thanh toán lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1610/2010/HĐTD-DNRG, ngày 26/10/2010 cho đến khi doanh nghiệp tư nhân T trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ” là không phù hợp.

Mặc dù không xem xét phần tiền lãi do hết thời hiệu khởi kiện nhưng Bản án sơ thẩm không tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn phải chịu lãi suất là chưa đầy đủ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 18/9/2022 của TAND huyện An Minh: Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn (chấp nhận phần tiền lãi trong hạn bị đơn phải trả cho nguyên đơn 7.000.222 đồng), sửa tư cách tham gia tố tụng của bị đơn, tên của quan hệ tranh chấp, phần buộc thanh toán lãi suất phát sinh theo hợp đồng và phần không tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn phải chịu lãi suất do hết thời hiệu khởi kiện, sửa án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Đào Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Tùng L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do; Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị M, chị Đào Cẩm H, chị Đào Cẩm T, anh Đào Minh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 – Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

- Về tư cách tố tụng: Tòa cấp sơ thẩm xác định bị đơn là Doanh nghiệp tư nhân T do ông Đào Minh T là chủ doanh nghiệp là chưa chính xác. Căn cứ quy định tại Điều 188, khoản 3 Điều 190 Luật Doanh nghiệp để xác định bị đơn trong vụ án là ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T.

- Về quan hệ tranh chấp: Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” là không phù hợp bởi lẽ nguyên đơn là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T phải trả cho Ngân hàng tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng do hai bên ký kết, nội dung tranh chấp bao gồm việc thanh toán tiền vốn gốc, nợ lãi, tiền phạt và xử lý tài sản bảo đảm do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ

thanh toán. Vì vậy, phải xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/10/2010, Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 1610/2010/HĐTD-DN.RG với ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T với số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn hạn mức: 12 tháng, thời hạn KUNN là 06 tháng, mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, lãi suất áp dụng lãi thả nổi cho 01 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh một tháng 01 lần theo công thức: Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ thông thường kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kỳ + biên độ 0,55%/tháng.

Tại khoản 5 Điều 1 của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: 1610/2010/HĐTD-DN.RG quy định: Thời hạn sử dụng hạn mức được quy định trong hợp đồng là 12 tháng, được tính kể từ ngày ký hợp đồng và mỗi khoản vay cụ thể theo từng giấy rút tiền 06 tháng. Theo Khế ước nhận nợ ngày 09/4/2011 thể hiện: Số tiền vay 400.000.000 đồng, ngày rút tiền: 09/4/2011, thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày rút tiền; Trả lãi: hàng tháng, sau một tháng kể từ ngày nhận tiền.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 09/4/2011 đến ngày 08/10/2011 ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T đã vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ngày 04/12/2019, Ngân hàng TMCP Đ nộp đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng cho rằng Hợp đồng tín dụng vẫn đang được duy trì, Ngân hàng có tìm ông T để xử lý về khoản nợ nhưng ông T không có mặt tại địa phương nên đến ngày 04/12/2019 Ngân hàng TMCP Đ mới nộp đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đây không phải là trở ngại khách quan và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Tấn T yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện để làm căn cứ giải quyết vụ án, đồng ý số tiền nợ gốc bị đơn chưa thanh toán là 400.000.000 đồng.

Đối chiếu Điều 472 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện là 02 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm

2015 về Điều khoản chuyển tiếp đối với vụ án này Tòa án cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết. Vì vậy, áp dụng Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 và Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao để tính thời hiệu khởi kiện, trong trường hợp này thì thời hiệu khởi kiện được tính là 03 năm kể từ ngày 09/10/2011. Nhưng đến ngày 04/12/2019 Ngân hàng mới nộp đơn khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, theo Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân tối cao, tại Phần III mục 2 và 3 có nêu rõ “...theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp “yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác”. Do đó, ngân hàng có thể khởi kiện đòi lại tài sản (nợ gốc), Tòa án thụ lý giải quyết mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết.

Như vậy, Ngân hàng có quyền yêu cầu bị đơn ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T phải trả nợ gốc và nợ lãi trong hạn từ ngày 09/4/2011 đến ngày 08/10/2011. Cụ thể: Tiền gốc 400 triệu đồng, tiền lãi trong hạn là 41.886.667 đồng, khấu trừ bị đơn đã trả được 34.886.445 đồng tiền lãi, hiện còn là 7.000.222 đồng. Tổng cộng còn phải trả là 407.000.222 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi quá hạn: Ngân hàng yêu cầu ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T phải trả: 1.364.254.476 đồng là không có cơ sở xem xét vì đã hết thời hiệu khởi kiện như phân tích nêu trên.

Bản án sơ thẩm không xem xét phần trả lãi quá hạn do hết thời hiệu khởi kiện nhưng không tuyên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này là có sai sót, cần được khắc phục, bổ sung tại cấp phúc thẩm.

Đồng thời, tại quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên buộc Doanh nghiệp tư nhân T phải thanh toán lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: 1610/2010/HĐTD-DN.RG, ngày 26/10/2010 cho đến khi doanh nghiệp tư nhân T trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ là chưa đúng quy định pháp luật. Do hết thời hiệu khởi kiện nên không có căn cứ để buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn theo lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ; Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo hướng đã phân tích ở trên.

[3]. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Buộc Doanh nghiệp tư nhân T chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 20.280.000 đồng ($400.000.000đ \times 5\% + 7.000.222 \text{ đồng} \times 4\%$).

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 21.156.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số: 0006206 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 148, 184, Khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 429, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 90, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 và Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng TMCP Đ.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2022/KDTM-ST ngày 18 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền còn nợ là 407.000.222 (*Bốn trăm lẻ bảy triệu hai trăm hai mươi hai*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với số tiền buộc ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T phải trả cho Ngân hàng tiền lãi quá hạn là 1.364.254.476 (*Một tỷ ba trăm sáu mươi tư triệu hai trăm năm mươi tư nghìn bốn trăm bảy mươi sáu*) đồng.

3. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T không thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của Hộ ông Đào Tấn T tại thửa số 46, 47, 48, 49; tờ bản đồ 02; tổng diện tích là 21.984 m² (đất ở NT, đất vườn, đất trồng tràm, đất trồng lúa), tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 304701 (số vào sổ: F000150 QSDĐ) do UBND huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/01/2003 cho hộ ông Đào Tấn T để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T thanh toán được khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng mà không phải xử lý đến tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W 304701 (số vào sổ: F000150 QSDĐ), tại thửa số 46, 47, 48, 49; tờ bản đồ 02; tổng diện tích là 21.984 m² (đất ở NT, đất vườn, đất trồng tràm, đất trồng lúa), tọa lạc tại khu phố 4, thị trấn Thứ 11, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang do UBND huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 02/01/2003 cho hộ ông Đào Tấn T.

4. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Ông Đào Minh T – Chủ doanh nghiệp tư nhân T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.280.000 (*Hai mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn*) đồng.

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 21.156.000 (*Hai mươi một triệu một trăm năm mươi sáu nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số: 0006206 ngày 14/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0000933 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hường